

BẢN DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội - Tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ/UBND ngày 07/06/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 04/09/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 16/11/2010.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA DONG ENVIRONMENT PUBLIC SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 Tô Hiệu - Nguyễn Trãi - Hà Đông - thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đinh Văn Tiến	Chủ tịch	Được bổ nhiệm theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông ngày 22/7/2010
	Ông Bùi Đình Mạnh	Ủy viên	
	Bà Vũ Thị Viễn	Ủy viên	
	Bà Vũ Thị Mai	Ủy viên	
	Lê Thị Minh Hương	Ủy viên	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm

Ban Giám đốc	Ông Đinh Văn Tiến	Giám đốc
	Ông Bùi Đình Mạnh	Phó Giám đốc
	Bà Vũ Thị Viễn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đinh Văn Tiên

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (gọi tắt là “Công ty”), được trình bày từ trang số 05 đến trang số 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chúng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chúng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		25.773.325.928	16.031.857.646
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.748.216.382	8.858.291.244
1. Tiền	111	5.1	3.748.216.382	8.858.291.244
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.593.006.560	6.160.493.512
1. Phải thu khách hàng	131		17.864.862.677	5.156.810.644
2. Trả trước cho người bán	132		374.714.701	371.441.701
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	353.429.182	632.241.167
IV- Hàng tồn kho	140		862.385.786	601.817.469
1. Hàng tồn kho	141	5.3	862.385.786	601.817.469
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.569.717.200	411.255.421
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		5.4	186.036.200	10.015.421
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.383.681.000	401.240.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220)	200		16.928.669.984	15.044.161.672
II Tài sản cố định	220		16.928.669.984	15.044.161.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	12.898.002.893	11.217.110.571
- Nguyên giá	222		28.333.252.894	23.281.723.978
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.435.250.001)	(12.064.613.407)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	4.030.667.091	3.827.051.101
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		42.701.995.912	31.076.019.318

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.155.200.221	14.175.944.604
I- Nợ ngắn hạn	310		23.105.879.635	13.912.471.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	931.782.114	-
2. Phải trả người bán	312		5.098.671.220	4.209.898.189
3. Người mua trả tiền trước	313		702.470.000	2.400.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.740.862.043	2.073.950.408
5. Phải trả người lao động	315		7.474.800.479	1.127.932.742
6. Chi phí phải trả	316		40.000.000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	6.296.068.260	5.676.072.354
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		821.225.519	822.217.492
II- Nợ dài hạn	330		1.049.320.586	263.473.419
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		591.888.786	263.473.419
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		457.431.800	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		18.546.795.691	16.900.074.714
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	18.510.985.074	16.864.264.097
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.777.500.000	14.777.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.576.498.349	1.278.436.022
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.014.759.519	719.745.354
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		142.227.206	88.582.721
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.810.617	35.810.617
1. Nguồn kinh phí	432		35.810.617	35.810.617
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		42.701.995.912	31.076.019.318

Đình Văn Tiến
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		85.180.334.769	62.246.699.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.150.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.12	85.175.184.769	62.246.699.187
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	70.721.383.638	52.210.610.866
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.453.801.131	10.036.088.321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	98.864.889	82.638.273
7. Chi phí tài chính	22	5.15	83.755.080	12.383.920
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		83.755.080	12.383.920
8. Chi phí bán hàng	24		743.155.411	819.470.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.924.689.556	3.742.234.458
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.801.065.973	5.544.638.016
11. Thu nhập khác	31	5.16	74.978.434	2.835.227.700
12. Chi phí khác	32	5.17	9.000.000	550.033.049
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		65.978.434	2.285.194.651
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.867.044.407	7.829.832.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.18	1.966.761.102	1.957.458.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.900.283.305	5.872.374.500
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	3.993	4.135

Đinh Văn Tiến
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	73.854.601.264	58.280.582.558
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(32.136.136.916)	(14.892.901.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.589.665.720)	(20.535.296.217)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(83.755.080)	(12.383.920)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.323.051.570)	(922.597.722)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	797.465.667	5.446.043.917
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.599.001.486)	(19.405.144.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	920.456.159	7.958.302.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.694.043.316)	(9.674.075.870)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	257.779.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	98.864.889	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.595.178.427)	(9.416.296.697)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	800.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	931.782.114	1.103.162.412
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.913.048.298)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.367.134.708)	(3.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.435.352.594)	(13.545.886)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(5.110.074.862)	(1.471.540.127)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.858.291.244	10.329.831.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	3.748.216.382	8.858.291.244

Đình Văn Tiến
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Vũ Thị Mai
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Hà Đông (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Môi trường Đô thị Hà Đông thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 976/QĐ/UBND ngày 07/6/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 04/09/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 16/11/2010.

Tên Công ty tiếng nước ngoài: HA DONG ENVIRONMENT PUBLIC SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 121 Tô Hiệu - Nguyễn Trãi - Hà Đông - thành phố Hà Nội.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Vốn góp của Nhà nước	792.852	7.928.520.000	53,65%
Các cổ đông khác	684.898	6.848.980.000	46,35%
Cộng	1.477.750	14.777.500.000	100%

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải: đô thị, công nghiệp;
- Xử lý môi trường làng nghề;
- Quản lý, vận hành hệ thống: thoát nước, công viên xanh, chiếu sáng công cộng, trang trí đô thị, tín hiệu giao thông;
- Quản lý nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân; dịch vụ tang lễ;
- Quản lý, duy tu, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Dịch vụ vui chơi, giải trí công viên ./.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2010</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày lập Báo cáo tài chính là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	357.600.286	1.155.353.005
Tiền gửi Ngân hàng	3.390.616.096	7.702.938.239
Tổng	<u>3.748.216.382</u>	<u>8.858.291.244</u>

5.2 Phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	140.161.020	-
Bảo hiểm xã hội	191.946.989	147.687.740
Phải thu khác	21.321.173	484.553.427
Tổng	<u>353.429.182</u>	<u>632.241.167</u>

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	834.687.046	578.330.245
Công cụ, dụng cụ	27.698.740	23.487.224
Tổng	<u>862.385.786</u>	<u>601.817.469</u>

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	9.406.597
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	185.427.376	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	608.824	608.824
Tổng	<u>186.036.200</u>	<u>10.015.421</u>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.383.681.000	401.240.000
Tổng	<u>2.383.681.000</u>	<u>401.240.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	84.990.800	468.217.600	22.542.949.578	185.566.000	23.281.723.978
Tăng trong năm	306.245.000	113.700.000	4.395.403.916	236.180.000	5.051.528.916
Mua trong năm	-	113.700.000	4.395.403.916	236.180.000	4.745.283.916
Đầu tư XDCB hoàn thành	306.245.000	-	-	-	306.245.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	391.235.800	581.917.600	26.938.353.494	421.746.000	28.333.252.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	71.958.252	103.847.556	11.734.775.759	154.031.840	12.064.613.407
Tăng trong năm	56.305.005	84.483.889	3.158.465.855	71.381.845	3.370.636.594
Khấu hao trong năm	56.305.005	84.483.889	3.158.465.855	71.381.845	3.370.636.594
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2010	128.263.257	188.331.445	14.893.241.614	225.413.685	15.435.250.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2010	13.032.548	364.370.044	10.808.173.819	31.534.160	11.217.110.571
Tại 31/12/2010	262.972.543	393.586.155	12.045.111.880	196.332.315	12.898.002.893

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2010 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.429.824.191 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	3.827.051.101	354.853.231
Tăng trong năm	4.886.549.906	8.851.647.870
Giảm trong năm	-	-
- <i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	4.682.933.916	5.379.450.000
Tại ngày 31 tháng 12	4.030.667.091	3.827.051.101

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhà để xe, nhà điều hành, sân bê tông tại KCN Yên Nghĩa	3.840.266.501	3.827.051.101
Vườn hoa Nhuệ Giang	115.418.590	-
Công trình đồ sân Công ty	74.982.000	-
Tổng	4.030.667.091	3.827.051.101

5.8 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	931.782.114	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (*)	931.782.114	-
Tổng	931.782.114	-

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD ngày 01/11/2010, mục đích vay thanh toán các khoản tiền lương và tiền điện, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 16%/năm.

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	149.100.941	91.497.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.591.761.102	1.957.458.167
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.995.045
Tổng	1.740.862.043	2.073.950.408

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	153.805.440	105.680.995
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.142.262.820	5.570.391.359
<i>Cổ tức trả cho Nhà nước</i>	<i>1.585.704.000</i>	<i>2.367.134.708</i>
<i>Cổ tức trả cho các cổ đông</i>	<i>1.369.796.000</i>	<i>1.369.796.000</i>
<i>Phải trả các đội môi trường</i>	<i>2.730.364.345</i>	<i>1.273.195.634</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>456.398.475</i>	<i>560.265.017</i>
Tổng	6.296.068.260	5.676.072.354

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2009	13.977.500.000	221.408.612	132.507.904	612.910.741	14.944.327.257
Tăng trong năm	800.000.000	1.057.027.410	587.237.450	6.167.108.597	8.611.373.457
Tăng vốn trong năm	800.000.000	1.057.027.410	587.237.450	285.327.500	2.729.592.360
Lãi	-	-	-	5.872.374.500	5.872.374.500
Tăng khác	-	-	-	9.406.597	9.406.597
Giảm trong năm	-	-	-	6.691.436.617	6.691.436.617
Trích quỹ	-	-	-	2.954.505.909	2.954.505.909
Chia cổ tức	-	-	-	3.736.930.708	3.736.930.708
Số dư tại 31/12/2009	14.777.500.000	1.278.436.022	719.745.354	88.582.721	16.864.264.097
Số dư tại 01/01/2010	14.777.500.000	1.278.436.022	719.745.354	88.582.721	16.864.264.097
Tăng trong năm	-	1.298.062.327	295.014.165	5.900.283.305	7.493.359.797
Tăng vốn	-	1.298.062.327	295.014.165	-	1.593.076.492
Lãi	-	-	-	5.900.283.305	5.900.283.305
Giảm trong năm	-	-	-	5.846.638.820	5.846.638.820
Chia cổ tức	-	-	-	2.955.500.000	2.955.500.000
Trích quỹ	-	-	-	2.891.138.820	2.891.138.820
Số dư tại 31/12/2010	14.777.500.000	2.576.498.349	1.014.759.519	142.227.206	18.510.985.074

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	7.928.520.000	7.928.520.000
Cổ đông khác	6.848.980.000	6.848.980.000
Tổng	14.777.500.000	14.777.500.000

Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.477.750	1.477.750
Cổ phiếu phổ thông	1.477.750	1.477.750
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.12 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.180.334.769	62.246.699.187
Tổng	85.180.334.769	62.246.699.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.150.000	-
Doanh thu thuần	85.175.184.769	62.246.699.187

5.13 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.721.383.638	52.210.610.866
Tổng	70.721.383.638	52.210.610.866

5.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.864.889	82.638.273
Tổng	98.864.889	82.638.273

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5.15 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay Ngân hàng	7.868.382	12.383.920
Chi phí chậm trả cổ tức năm 2009	75.886.698	-
Tổng	83.755.080	12.383.920

5.16 Thu nhập khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập từ hỗ trợ di dời trụ sở làm việc, thanh lý công cụ dụng cụ	-	2.835.227.700
Thu nhập khác	74.978.434	-
Tổng	74.978.434	2.835.227.700

5.17 Chi phí khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	550.033.049
Chi phí khác	9.000.000	-
Tổng	9.000.000	550.033.049

5.18 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.867.044.407	7.829.832.667
Lợi nhuận chịu thuế	7.867.044.407	7.829.832.667
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.966.761.102	1.957.458.167
Thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.966.761.102	1.957.458.167

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.900.283.305	5.872.374.500
Các khoản điều chỉnh		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.900.283.305	5.872.374.500
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.477.750	1.420.035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.993	4.135

5.20 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.349.881.117	6.969.479.452
Chi phí nhân công	38.608.324.374	26.603.015.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.370.636.594	2.770.695.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.427.017.488	17.946.928.088
Chi phí khác bằng tiền	4.621.516.242	2.604.971.821
Tổng	77.377.375.815	56.895.090.141

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

	Năm 2010
	VND
Lương Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	841.228.916
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	548.000.000

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một Công ty Kiểm toán độc lập. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại. Cụ thể:

Khoản mục	Số trước phân loại	Số sau phân loại lại	Chênh lệch
	31/12/2009	31/12/2009	
	VND	VND	VND
Phải thu nội bộ - Mã số 133	17.896.445	-	(17.896.445)
Các khoản phải thu khác - Mã số 135	-	17.896.445	17.896.445
Phải trả nội bộ - Mã số 317	1.273.195.634	-	(1.273.195.634)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác - Mã số 319	-	1.273.195.634	1.273.195.634

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ ĐÔNG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Đinh Văn Tiến

Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Vũ Thị Mai

Kế toán trưởng